

Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ70,200

Tiềm năng tăng/giảm: 45.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (28/4/2025)	48,300
Mã Bloomberg	TLG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	42,950-71,200
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	48,267
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	4,176
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	161
Slg CP lưu hành (tr.đv)	86.5
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	86.5
Slg CP NN được mua (tr.đv)	60.7
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	29.8%
Tỷ lệ freefloat	33.4%
Cổ đông lớn	Thọ và bên liên quan (56.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	3,759	4,146	4,644
EBITDA đc (tỷ đồng)	644	737	838
LNTT (tỷ đồng)	587	651	747
LNT ĐC (tỷ đồng)	561	615	696
FCF (tỷ đồng)	276	387	406
EPS ĐC (đồng)	4,806	5,312	6,100
DPS (đồng)	2,500	2,500	2,500
BVPS (đồng)	27,150	26,951	29,436
T.trưởng EBITDA (%)	25.0	14.4	13.8
T.trưởng EPS ĐC (%)	28.6	10.5	14.8
Tăng trưởng DPS (%)	(28.6)	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	17.1	17.8	18.1
Tỷ suất LNTT (%)	15.6	15.7	16.1
Tỷ suất LNT ĐC (%)	12.3	12.3	12.6
Tỷ lệ LN trả CT (%)	52.0	47.1	41.0
Nợ thuần/VCSH (%)	(8.48)	(3.65)	(6.54)
ROAE (%)	20.8	21.8	24.0
ROACE (%)	24.3	26.7	29.6
EV/doanh thu (lần)	1.06	0.98	0.86
EV/EBITDA ĐC (lần)	6.16	5.54	4.77
P/E ĐC (lần)	10.0	9.09	7.92
P/B (lần)	1.78	1.79	1.64
Lợi suất cổ tức (%)	5.18	5.18	5.18

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

TLG là nhãn hiệu văn phòng phẩm hàng đầu Việt Nam, với danh mục sản phẩm đa dạng gồm bút viết, dụng cụ văn phòng, dụng cụ học sinh và dụng cụ mỹ thuật.

Chuyên viên phân tích

Bùi Nguyên Cẩm Giang, CFA

Trưởng phòng

giang.bnc@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 369

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng

my.th@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 362

KQKD Q1/2025: Lợi nhuận giảm 11%, thấp hơn một chút so với dự báo

- Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần Q1/2025 giảm lần lượt 2% và 11% so với cùng kỳ xuống 794 tỷ đồng và 79 tỷ đồng, thấp hơn một chút so với dự báo của HSC ở mức 87 tỷ đồng.
- KQKD diễn biến trái chiều ở các thị trường và phân khúc sản phẩm. Bút viết và dụng cụ học tập ghi nhận KQKD kém hơn trong khi dụng cụ mỹ thuật và văn phòng phẩm tăng trưởng mạnh. Doanh thu trong nước tăng trưởng tích cực, trong khi doanh thu xuất khẩu giảm.
- Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2025

Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần Q1/2025 giảm lần lượt 2% và 11% so với cùng kỳ xuống 794 tỷ đồng và 79 tỷ đồng, thấp hơn một chút so với dự báo của HSC ở mức 87 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận gộp vẫn ổn định ở mức 42,8% so với 42,1% trong Q1/2024. KQKD diễn biến trái chiều ở các thị trường và phân khúc sản phẩm khác nhau:

- Xét theo phân khúc sản phẩm: Doanh thu dụng cụ mỹ thuật tăng mạnh nhất, ở mức 26% so với cùng kỳ, kể đến là văn phòng phẩm tăng 10%. Trong khi đó, doanh thu bút viết và dụng cụ học tập lần lượt giảm 21% và 25% so với cùng kỳ. Thông tin chi tiết được trình bày trong Bảng 2.
- Thị trường trong nước: Doanh thu tăng khiêm tốn 3% so với cùng kỳ đạt 511 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận gộp thu hẹp xuống còn 46,6% (từ 51,4% trong Q1/2024) do cơ cấu sản phẩm kém thuận lợi, với mức đóng góp bút viết (có tỷ suất lợi nhuận cao hơn) giảm.
- Thị trường xuất khẩu: Doanh thu giảm 10% so với cùng kỳ xuống 284 tỷ đồng. Theo BLĐ Công ty, doanh thu xuất khẩu giảm đa phần do sự gián đoạn trong ngắn hạn do động đất ở Myanmar gây ra, một trong những thị trường chính cho các sản phẩm mang thương hiệu TLG. Tuy nhiên, Công ty kỳ vọng doanh thu xuất khẩu sẽ phục hồi và lấy lại đà tăng trưởng trong các quý tiếp theo.

Tỷ suất lợi nhuận gộp của doanh thu xuất khẩu mở rộng lên 35,6% (so với 28,3% trong Q1/2024), đa phần nhờ KQKD của phân khúc sản phẩm OEM tích cực hơn, tăng 30% so với cùng kỳ; mảng này có tỷ suất lợi nhuận cao hơn.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Trong năm 2025, HSC dự báo doanh thu thuần đạt 4.146 tỷ đồng, tăng trưởng 10% và lợi nhuận thuần đạt 510 tỷ đồng, cũng tăng trưởng 10%. Dự báo của chúng tôi cho thấy doanh thu trong nước và doanh thu xuất khẩu tăng lần lượt 8% và 18% so với cùng kỳ.

Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 29/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q1/2025, TLG

Lợi nhuận thuần giảm 11% so với cùng kỳ, thấp hơn một chút so với dự báo của HSC

	Q12024	Q1/2025	% so với cùng kỳ	% dự báo của HSC
Doanh thu thuần	809	794	-1.8%	19.2%
Lợi nhuận gộp	343	340	-1.1%	18.4%
Chi phí BH&QL	238	244	2.1%	20.0%
Lợi nhuận thuần	88.3	78.9	-10.7%	15.5%

Nguồn: HSC ước tính

Bảng 2: Các chỉ số quan trọng, TLG

Tỷ suất lợi nhuận gộp nhìn chung ổn định

	Q1/2024	Q1/2025	Chênh lệch
Tỷ suất lợi nhuận gộp	42.5%	42.8%	29
Chi phí BH&QL / Doanh thu	29.5%	30.7%	117
Tỷ suất lợi nhuận thuần	10.9%	9.9%	-99

Nguồn: TLG

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu thuần theo sản phẩm, TLG

Doanh thu thuần mảng sản phẩm bút viết và dụng cụ học tập sụt giảm trong khi mảng dụng cụ mỹ thuật và văn phòng phẩm ghi nhận doanh thu thuần tăng mạnh

	Q1/2024	Q1/2025	% so với cùng kỳ
Bút viết	381	300	-21.2%
Văn phòng phẩm	175	193	10.5%
Dụng cụ mỹ thuật	92	116	25.8%
Đồ dùng học tập	99	74	-25.7%
Sản phẩm khác	61	111	81.0%
Tổng	809	794	-1.8%

Nguồn: TLG

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	3,462	3,759	4,146	4,644	5,173
Lợi nhuận gộp	1,513	1,675	1,849	2,073	2,307
Chi phí BH&QL	(1,087)	(1,127)	(1,217)	(1,345)	(1,481)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	425	549	631	729	826
Lãi vay thuần	7.55	13.8	5.16	4.67	4.67
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(4.00)	1.20	0	0	0
Lợi nhuận khác	15.3	16.5	7.62	7.62	7.62
LN không thường xuyên	7.99	6.83	6.50	6.43	7.05
LNTT	452	587	651	747	846
Chi phí thuế TNDN	(95.8)	(127)	(140)	(161)	(183)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(2.77)	(1.47)	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	359	462	510	586	663
Lợi nhuận thuần ĐC	451	561	615	696	778
EBITDA ĐC	515	644	737	838	941
EPS (đồng)	3,737	4,806	5,312	6,100	6,904
EPS ĐC (đồng)	3,737	4,806	5,312	6,100	6,904
DPS (đồng)	3,500	2,500	2,500	2,500	2,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	86.5	86.5	86.5	86.5	86.5
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	86.5	86.5	86.5	86.5	86.5
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	86.5	86.5	86.5	86.5	86.5

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	243	700	611	694	835
Đầu tư ngắn hạn	447	361	361	361	361
Phải thu khách hàng	439	649	714	827	954
Hàng tồn kho	832	785	866	970	1,080
Các tài sản ngắn hạn khác	113	176	179	183	187
Tổng tài sản ngắn hạn	2,074	2,671	2,731	3,034	3,417
TSCĐ hữu hình	550	505	485	445	400
TSCĐ vô hình	25.6	23.4	18.7	15.3	11.9
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	26.8	27.0	27.0	27.0	27.0
Đầu tư vào Cty LD,LK	36.0	37.2	37.2	37.2	37.2
Tài sản dài hạn khác	95.6	96.3	119	139	159
Tổng tài sản dài hạn	734	689	687	663	636
Tổng cộng tài sản	2,808	3,360	3,418	3,698	4,052
Nợ ngắn hạn	250	487	511	511	511
Phải trả người bán	194	260	287	321	358
Nợ ngắn hạn khác	180	182	201	224	249
Tổng nợ ngắn hạn	660	986	1,061	1,126	1,197
Nợ dài hạn	33.5	6.20	6.20	6.20	6.20
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	33.5	6.20	6.20	6.20	6.20
Tổng nợ phải trả	714	1,012	1,088	1,153	1,223
Vốn chủ sở hữu	2,094	2,347	2,330	2,545	2,829
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng vốn chủ sở hữu	2,094	2,347	2,330	2,545	2,829
Tổng nợ phải trả và VCSH	2,808	3,360	3,418	3,698	4,052
BVPS (đ)	24,221	27,150	26,951	29,436	32,724
Nợ thuần*/(tiền mặt)	40.4	(207)	(94.1)	(176)	(318)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	425	549	631	729	826
Khấu hao	(89.9)	(95.2)	(105)	(110)	(115)
Lãi vay thuần	7.55	13.8	5.16	4.67	4.67
Thuế TNDN đã nộp	-	-	-	-	-
Thay đổi vốn lưu động	(295)	(314)	(258)	(337)	(373)
Khác	11.1	15.4	(11.0)	(13.0)	(12.8)
LCT thuần từ HĐKD	249	359	488	509	576
Đầu tư TS dài hạn	(107)	(83.2)	(101)	(103)	(105)
Góp vốn & đầu tư	0	0	0	0	0
Thanh lý	2.62	4.70	0	0	0
Khác	(86.6)	115	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(191)	36.4	(101)	(103)	(105)
Cổ tức trả cho CSH	(272)	(157)	(303)	(303)	(303)
Thu từ phát hành CP	9.80	(0.30)	0	0	0
Tăng/giảm nợ	37.1	209	24.3	0	0
Khác	0	0	(198)	(21.2)	(26.6)
LCT thuần từ HĐTC	(225)	51.7	(476)	(324)	(329)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	405	243	700	611	694
LCT thuần trong kỳ	(167)	447	(88.9)	82.3	142
Ảnh hưởng của tỷ giá	5.03	9.70	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	243	700	611	694	835
Dòng tiền tự do	142	276	387	406	471

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	43.7	44.6	44.6	44.6	44.6
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.9	17.1	17.8	18.1	18.2
Tỷ suất LNT (%)	10.4	12.3	12.3	12.6	12.8
Thuế TNDN hiện hành (%)	21.2	21.6	21.6	21.6	21.6
Tăng trưởng doanh thu (%)	(1.68)	8.57	10.3	12.0	11.4
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(6.12)	25.0	14.4	13.8	12.2
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(7.99)	24.3	9.74	13.1	11.8
Tăng trưởng EPS (%)	(10.4)	28.6	10.5	14.8	13.2
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(10.4)	28.6	10.5	14.8	13.2
Tăng trưởng DPS (%)	0	(28.6)	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	93.7	52.0	47.1	41.0	36.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	17.7	20.8	21.8	24.0	24.7
ROACE (%)	20.3	24.3	26.7	29.6	30.5
Vòng quay tài sản (lần)	1.22	1.22	1.22	1.31	1.33
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.59	0.65	0.77	0.70	0.70
Số ngày tồn kho	156	138	138	138	138
Số ngày phải thu	82.2	114	113	117	122
Số ngày phải trả	36.3	45.6	45.6	45.6	45.6
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	2.11	(8.48)	(3.65)	(6.54)	(10.8)
Nợ/tài sản (%)	10.2	14.9	15.4	14.3	13.0
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.56	0.78	0.71	0.63	0.56
Chỉ số TT hiện thời (lần)	3.15	2.71	2.57	2.69	2.86
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.22	1.06	0.98	0.86	0.75
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.19	6.16	5.54	4.77	4.10
P/E (lần)	12.9	10.0	9.09	7.92	7.00
P/E ĐC (lần)	12.9	10.0	9.09	7.92	7.00
P/B (lần)	1.99	1.78	1.79	1.64	1.48
Lợi suất cổ tức (%)	7.25	5.18	5.18	5.18	5.18

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn